

Bản án số: 06/2020/LĐ-PT

Ngày: 30 - 9 - 2020

V/v: “Tranh chấp đơn phương
chấm dứt hợp đồng lao động”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Mười

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Đắc Minh
Bà Phạm Thị Duyên

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Yến - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Thành Đạt - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số: 04/2019/TLPT-LĐ ngày 08 tháng 11 năm 2019 về việc “Tranh chấp đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động.”

Do Bản án lao động sơ thẩm số 01/2019/LĐ-ST ngày 25 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 2394/2020/QĐ-PT ngày 24 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Ông K, sinh năm 1986;

Địa chỉ: G, G, I 380-3.

2. Ông O, sinh năm 1985;

Địa chỉ: G, Y, N 1054-3.

Người đại diện theo ủy quyền của ông K và ông O: Ông Hồ Hữu T, sinh năm 1973 (vắng mặt)

Địa chỉ: số 187/7 Đ, phường Đ, Quận x1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Hồ Hữu T: Ông Mai Lưu P, sinh năm 1987 (có mặt)

Địa chỉ: 158 Đ, phường Đ, Quận x1, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn*: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên (TNHH MTV) N;
Địa chỉ trụ sở: Lô H.03, đường số 2, khu công nghiệp L, xã L, huyện C, tỉnh Long An.

Người đại diện theo pháp luật: Ông J - Giám đốc;

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1991 (vắng mặt);

Địa chỉ liên lạc: Lô H.03, đường số 2, khu công nghiệp L, xã L, huyện C, tỉnh Long An.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Công ty Trách nhiệm hữu hạn (TNHH) N;

Địa chỉ trụ sở: T, C, N, 1 c, 1-21;

Người đại diện theo pháp luật: Ông N1 - Giám đốc;

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1991 (vắng mặt).

Địa chỉ liên lạc: Lô H.03, Đường số 2, khu công nghiệp L, xã L, huyện C, tỉnh Long An.

- *Người kháng cáo*: Ông Hồ Hữu T - Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông K; ông O và người đại diện theo ủy quyền của 02 ông là ông Hồ Hữu T trình bày:

Ngày 01/7/2017, Công ty TNHH MTV N (gọi tắt là công ty con) nhận 02 ông K và ông O vào làm việc, ông K chức vụ chuyên gia vận hành máy, mức lương 250.000 yên Nhật Bản/tháng; ông O chức vụ chuyên gia vận hành máy, mức lương mức lương 250.000 yên Nhật Bản/tháng. Ông O được Ban quản lý Khu kinh tế Long An cấp phép lao động ngày 15/9/2017 thời hạn 02 năm, ông K được cấp phép lao động ngày 22/9/2017 thời hạn là 02 năm. Ngày 23/11/2017 Công ty TNHH MTV N ban hành quyết định cho 02 ông thôi việc kể từ ngày 28/12/2017 với lý do công ty không có khả năng trả lương cho 02 ông, 02 ông thấy rằng công ty còn hoạt động, tuyển thêm người nước ngoài vào làm việc nên việc công ty cho 02 ông thôi việc là trái pháp luật.

Ông K và ông O yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty TNHH MTV N phải nhận 02 ông lại làm việc; bồi thường cho 02 ông tiền lương trong những ngày không được làm việc từ ngày 28/12/2017 đến khi vụ kiện được giải quyết; bồi thường cho 02 ông mỗi người 02 tháng tiền lương, với số tiền lương 500.000 yên Nhật Bản/tháng (tương đương 101.000.000 đồng); Thực hiện nghĩa vụ thanh toán thuế thu nhập cá nhân cho 02 ông theo quy định pháp luật.

Bị đơn Công ty TNHH MTV N, người đại diện theo pháp luật là ông J và

người đại diện theo ủy quyền bà Nguyễn Thị B trình bày:

Công ty TNHH N có trụ sở bên Nhật Bản (gọi tắt là công ty mẹ) do ông N1 làm giám đốc là chủ sở hữu của Công ty TNHH MTV N (gọi tắt là công ty con). Ông O và ông K ký hợp đồng trực tiếp với công ty mẹ do ông N1 ký trực tiếp với công ty mẹ, công ty mẹ cử 02 ông sang công ty con ở Việt Nam làm việc, tiền lương chi phí do công ty con thay mặt công ty mẹ trả cho 02 ông. Sau đó, quyết toán lại với công ty mẹ. Ngày 06/11/2017 công ty mẹ ra Thông báo cho 02 người lao động người Nhật là ông O và ông K thôi việc với lý do công ty gặp khó khăn về tài chính không có tiền trả lương cho 02 ông. Ngày 10/11/2017 ông J giám đốc công ty con họp công bố thông báo của công ty mẹ nhưng 02 người lao động người Nhật không chịu bàn giao công việc nên ngày 23/11/2017 ông J ra quyết định cho 02 ông thôi việc. Qua yêu cầu khởi kiện của 02 ông O và K thì công ty không đồng ý vì công ty không có ký hợp đồng lao động với 02 ông.

Người có quyền và nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH N do ông N1 đại diện theo pháp luật và người đại diện theo ủy quyền là bà Nguyễn Thị B trình bày:

Ông O làm việc cho công ty mẹ từ ngày 01/9/2015 nhiệm vụ vận hành máy, ông O và K ký hợp đồng với công ty mẹ ngày 01/7/2017, cả 02 ông được công ty mẹ cử đến công ty con làm việc, lương do công ty mẹ trả, đến tháng 11/2017 thấy công ty con hoạt động không hiệu quả nên công ty mẹ ra thông báo cho 02 người lao động Nhật Bản nói trên thôi việc ở Việt Nam về Nhật Bản. Công ty xác định 02 người lao động Nhật Bản ký hợp đồng lao động với công ty mẹ ở Nhật Bản nên có tranh chấp lao động được giải quyết theo pháp luật Nhật Bản và do Tòa án Nhật Bản giải quyết.

Tại Bản án lao động sơ thẩm số 01/2019/LĐ-ST ngày 25 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An đã quyết định như sau:

Căn cứ Điều 32, 37, 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 3; khoản 10 Điều 36; Điều 41; Điều 42; Điều 44 Bộ luật lao động năm 2012; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông O và ông K về yêu cầu Công ty TNHH MTV N bồi thường hợp đồng lao động do đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 30 tháng 9 năm 2019, ông Hồ Hữu T (đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn) kháng cáo đề nghị xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và trình bày: Theo quy định pháp luật, 2 nguyên đơn được công ty tại Việt Nam xin giấy phép lao động. Trong quá trình giải quyết vụ án tại sơ thẩm, bị đơn xác định có nhận nguyên đơn vào làm việc, cấp sơ thẩm chưa thu thập chứng cứ là công ty con xin giấy phép lao động cho nguyên đơn, trong vụ án lao động nghĩa vụ chứng minh thuộc về người sử dụng lao động nhưng bị đơn không thực hiện đúng quy định pháp luật. Công ty đơn phương chấm dứt hợp đồng là trái quy định pháp luật trong biên bản hòa giải cho rằng 2 người lao động vi phạm nội quy lao động nhưng không chứng minh, công ty gửi hồ sơ cho nguyên đơn không đúng 45 ngày với lý do do công ty mẹ chỉ định. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Hiện nay nếu công ty bị giải thể thì chủ sở hữu có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ của công ty con.

Bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ nhưng vắng không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh nêu quan điểm giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng Tòa án cấp sơ thẩm và phúc thẩm đã tiến hành đúng theo qui định của luật tố tụng hiện hành, không làm ảnh hưởng tới quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự.

Xét về nội dung vụ án: Nguyên đơn được công ty tại Nhật Bản ký kết hợp đồng lao động, sau khi ký hợp đồng thì công ty tại Nhật Bản cử 02 ông sang Việt Nam làm với tư cách là chuyên gia tại công ty Việt Nam. Tháng 4/2017 nguyên đơn đến làm việc tại Việt Nam nên có cơ sở xác định quan hệ lao động giữa nguyên đơn với công ty Nhật Bản chứ không phải tại công ty Việt Nam.

Sau đó, công ty tại Nhật Bản chuyển 02 nguyên đơn về Nhật Bản, công ty tại Việt Nam thông báo cho nguyên đơn thôi việc, về nước và ra quyết định cho thôi việc nguyên đơn việc chấm dứt hợp đồng lao động theo ý chí của công ty tại Nhật Bản. Vì vậy kháng cáo của nguyên đơn buộc công ty tại Việt Nam bồi thường cho những ngày không được làm việc là không có cơ sở chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Đơn kháng cáo của đại diện hợp pháp của nguyên đơn làm trong hạn luật định nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án cấp phúc thẩm tổng đạt triệu tập. Theo kết quả xác nhận của cán bộ tư pháp xã Long Hậu, huyện Cần Giuộc xác nhận hiện nay bị đơn không còn hoạt động tại địa chỉ Lô H.03, đường số 2, khu công nghiệp L, xã L, huyện C,

tỉnh Long An. Xét thấy, phiên tòa mở lần thứ nhất vào ngày 07/9/2020, bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do. Bị đơn không có kháng cáo, đại diện theo ủy quyền của bị đơn đã có lời trình bày trong hồ sơ. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

[2] Về nội dung:

Ngày 23/11/2017 Công ty TNHH MTV N ban hành quyết định cho ông K và ông O thôi việc kể từ ngày 28/12/2017 với lý do công ty không có khả năng trả lương. Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải nhận trở lại làm việc và bồi thường cho nguyên đơn do đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật. Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút lại yêu cầu nhận lại trở lại làm việc, chỉ yêu cầu bị đơn bồi thường theo quy định.

Bị đơn công ty TNHH MTV N cho rằng nguyên đơn ký hợp đồng lao động với công ty mẹ tại Nhật Bản. Công ty cho nguyên đơn thôi việc là thực hiện theo thông báo của công ty mẹ tại Nhật Bản nên không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] Xét kháng cáo của nguyên đơn:

[3.1] Về hình thức hợp đồng lao động thì dựa vào quy định tại Thông tư 21/2003/TTBLĐTBXH. Về nội dung: Hợp đồng thể hiện người lao động là ông K và O, người sử dụng lao động là công ty TNHH N, theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh có trụ sở tại Tokyo Nhật Bản, lương chính do công ty mẹ chi trả. Hợp đồng lao động ngày 01/7/2017, nhưng 02 người lao động nhập cảnh vào Việt Nam ngày 04/7/2017 và ký kết tại Văn phòng công ty con tại Việt Nam. Nguyên đơn cho rằng hợp đồng lao động được ký kết trực tiếp với công ty con tại Việt Nam nhưng không có chứng cứ chứng minh. Do đó, có cơ sở xác định hợp đồng lao động được ký kết giữa nguyên đơn với công ty mẹ tại Nhật Bản.

[3.2] Ngày 06/11/2017, công ty mẹ tại Nhật Bản có thông báo kết thúc hợp đồng lao động với 02 nguyên đơn vào ngày 28/12/2017. Ngày 10/11/2017, giám đốc công ty con tại Việt Nam thông báo quyết định của công ty mẹ cho nguyên đơn, và ra quyết định cho thôi việc ngày 23/11/2017 là thực hiện theo thông báo ngày 06/11/2017 của công ty mẹ. Như vậy, người chịu trách nhiệm về chấm dứt hợp đồng lao động với nguyên đơn là công ty mẹ tại Nhật Bản.

[3.3] Hơn nữa, lý do chấm dứt hợp đồng lao động là do công ty không có khả năng chi trả lương. Nguyên đơn cho rằng lý do thôi việc mà công ty đưa ra là không đúng thực tế. Xét, tiền lương của mỗi nguyên đơn tương đương hơn 100.000.000 đồng/tháng/người. Ngày 01/10/2017 Công ty TNHH MTV N ký hợp đồng lao động với bà L, quốc tịch Trung Quốc đảm nhiệm chức vụ trưởng phòng quản lý chất lượng, mức lương 150.000 Yên Nhật (tương đương 30.000.000 đồng). Do đó, việc công ty trình bày có sắp xếp lại biên chế tổ chức, có lợi về kinh tế, mà không sắp xếp được việc làm khác thì người sử dụng có quyền cho người lao động thôi việc theo Điều 44 và khoản 10 Điều 36 Bộ luật lao động năm 2012 là có căn cứ. Ngoài ra, 02 nguyên đơn làm việc tại Việt Nam

chưa đủ 12 tháng nên không đủ điều kiện được hưởng trợ cấp mất việc làm theo quy định tại Điều 49 Bộ luật lao động năm 2012.

[4] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Nguyên đơn có kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo. Do vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm thống nhất quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Nguyên đơn không phải chịu án phí án phí phúc thẩm theo quy định tại Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015,

I/ Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Hồ Hữu T (đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn); giữ nguyên bản án lao động sơ thẩm số 01/2019/LĐ-ST ngày 25/9/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

Căn cứ Điều 32, 37, 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 3; khoản 10 Điều 36; Điều 41; Điều 42; Điều 44 Bộ luật lao động năm 2012; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông O và ông K về yêu cầu Công ty TNHH MTV N bồi thường hợp đồng lao động do đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật.

Các đương sự không phải chịu án phí sơ thẩm, án phí phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND tỉnh Long An;
- Cục THADS tỉnh Long An;
- NĐ (2);
- BD (1);
- NLQ (1);
- Lưu (10) 19b (Án39).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Mười